TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim O; cư trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn X; cư trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trần Văn X kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Avào ngày 25 tháng 8 năm 1998. Sau khi kết hôn, hai người chung sống tại thôn A, xã A, huyện A; đến năm 2013 thì chuyển về sống tại thôn T, xã A từ đó đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hiện tại vợ chồng vẫn ở chung cùng nhà nhưng thực tế đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2018, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay bà Nguyễn Thị Kim O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn X.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Thu T - sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 và Trần Tiến Đ – sinh ngày 18 tháng 9 năm 2003. Ly hôn bà Nguyễn Thị Kim O đề nghị Tòa án giao con chung Trần Tiến Đ cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông Trần Văn X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Con chung Trần Thu T đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn ông Trần Văn X: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn X đã được Toà án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông X đến Toà án giải quyết việc bà Nguyễn Thị Kim O xin ly hôn nhưng ông Trần Văn X đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có quan điểm của ông Trần Văn X trước yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Aphát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Trần Văn X. Về con chung, giao con chung Trần Tiến Đ – sinh ngày 18 tháng 9 năm 2003 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, thời hạn nuôi con chung tính từ ngày

bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xem xét, giải quyết; con chung Trần Thu T - sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Ông Trần Văn X đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Trần Văn X vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trần Văn X kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Avào ngày 25 tháng 8 năm 1998. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trần Văn X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O, xử cho bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Trần Văn X.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trần Văn X có 02 con chung Trần Thu T - sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 và Trần Tiến Đ – sinh ngày 18 tháng 9 năm 2003. Ly hôn bà Nguyễn Thị Kim O đề nghị Tòa án giao con chung Trần Tiến Đ cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; ông Trần Văn X vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất nên cần giao con chung Trần Tiến Đ cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung Trần Tiến Đ.

[4] Ly hôn bà Nguyễn Thị Kim O có quan điểm không yêu cầu ông Trần Văn X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy quan điểm bà Nguyễn Thị Kim O là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được

chấp nhận. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung sẽ do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Trần Thu T - sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

[5] Về tài sản: Do bà Nguyễn Thị Kim O không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các bên đương sự có tranh chấp, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Trần Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Tiến Đ – sinh ngày 18 tháng 9 năm 2003 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con chung Trần Thu T - sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim O phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Nguyễn Thị Kim O đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A(theo Biên lai thu tiền số 0004004 ngày 26 tháng 12 năm 2018) nên không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch